

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 6 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân.

Ông Lê Văn Lại

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 106/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Kim H chung sống với nhau vào năm 1989, có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2001 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà H cờ bạc gây nợ nần, không chăm lo cho gia đình và ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cự cãi.

Bà H lấy dao đâm vào đùi ông nên ông và bà H sống ly thân gần một năm nay. Từ khi ly thân, bà H hứa không chơi cờ bạc nữa, nhưng quá trình chung sống vợ không thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: có 04 con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 23/11/1989, Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 20/7/1990, Nguyễn Thị Kim K, sinh ngày 29/11/1993 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 12/11/2014. Cháu H1, cháu Đ1, cháu K đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Ông đồng ý giao cháu N cho bà H nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/5/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Bà thống nhất thời gian chung sống, đăng ký kết hôn như ông Đ trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Đ có tình cảm với người phụ nữ khác, sau đó bỏ nhà đi khoảng gần năm nay.

Bà thừa nhận do ghen tuông có lấy dao đâm vào người làm ông Đ bị thương ở đùi, nhưng vết thương nhẹ, rách quần. Bà đã xin lỗi nhiều lần nhưng ông Đ không tha thứ, không chịu về nhà chung sống với bà. Trước đây ông Đ đi làm đưa tiền cho bà giữ, lúc rảnh rồi bà có chơi bài cho vui không gây nợ nần. Sau này ông Đ không đưa tiền nên bà không chơi nữa. Nay ông Đ yêu cầu ly hôn với bà, bà không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng.

Về con chung: có 04 con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 23/11/1989, Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 20/7/1990, Nguyễn Thị Kim K, sinh ngày 29/11/1993 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 12/11/2014. Cháu H1, cháu Đ1, cháu K đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Bà yêu cầu nuôi cháu N, ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, bà đồng ý.

Về tài sản, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H.

+ Về con chung: có 04 con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 23/11/1989, Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 20/7/1990, Nguyễn Thị Kim K, sinh ngày 29/11/1993 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 12/11/2014. Cháu H1, cháu Đ1, cháu K đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.

Giao cháu N cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận ông Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản, nợ chung: Ông Đ và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Đ, bị đơn bà H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng ông Đ, bà H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ và bà H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 12/12/2001 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, nên quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà H là hợp pháp.

Qua lời trình bày của ông Đ và bà H thấy rằng: Sau khi kết hôn ông, bà chung sống tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Ông, bà đều thừa nhận quá trình chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do mẫu thuẫn kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cãi vã, xảy ra xô xát. Từ đó, vợ chồng thiếu sự tin tưởng và không thông cảm, chia sẻ với nhau. Ông, bà đã ly thân 01 năm nay, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, làm cho tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn về sống chung lại. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa ông, bà không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ đối với bà H là phù hợp theo quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: có 04 con chung tên Nguyễn Văn H1, sinh ngày 23/11/1989, Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 20/7/1990, Nguyễn Thị Kim K, sinh ngày 29/11/1993 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 12/11/2014. Cháu H1, cháu Đ1, cháu K đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Cháu N hiện đang sống với bà H và có nguyện vọng sống chung với mẹ, ông Đ đồng ý giao con chung cháu N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giao con chung cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Đại là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí cấp dưỡng; chị Hoàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn Đ đối với bà Nguyễn Thị Kim H.

Ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim H.

2. Về con chung: Các con chung gồm Nguyễn Văn H1, sinh ngày 23/11/1989, Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 20/7/1990, ông Đ, sinh ngày 29/11/1993 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 12/11/2014 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 12/11/2014 cho bà H trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu N 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng/tháng) kể từ ngày 07/6/2024 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008906 ngày 01 tháng 03 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Ông Nguyễn Văn Đ còn phải nộp án phí sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Phượng